

Bản án số: **07/2021/KDTM-ST**

Ngày: 05/7/2021

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Hậu

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lê Thị Nhớ

2. Ông Phạm Thuận

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Đoàn Công Hồng Lĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Thanh Tráng- Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 10/2021/TLST-KDTM ngày 3 tháng 3 năm 2021 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXXST-KDTM ngày 03 tháng 6 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2021/QĐST-KDTM ngày 18 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP B**. Trụ sở: Tòa nhà HM Town 412 N, phường 5, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức Phú C, ông Cao Thanh T - Địa chỉ: 267, 269 Nguyễn Văn Linh, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

- Bị đơn: **Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp T**; Trụ sở: Số 209 đường L, phường Tân Chính, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, người đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thị Hồng H, chức vụ: Giám đốc Công ty (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông **Trương Duy V**, sinh năm 1977, địa chỉ: K36/8 đường H, phường Hải Châu 1, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

2/ Bà **Lê Thị Hồng H**, sinh năm 1983, địa chỉ: K36/8 đường H, phường Hải Châu 1, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

3/ **Công ty TNHH dệt may S.** Trụ sở: Lô 2, 3, 4 B2.19 đường N, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: ông Võ Văn T - Chức vụ: Giám đốc (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - ông Cao Thanh T trình bày:**

Ngân hàng TMCP B (Ngân hàng B) có ký với Công ty TNHH Thương Mại Tổng Hợp T (Công ty T) hợp đồng tín dụng hạn mức số: 0051900042800 ngày 26/03/2019. Theo đó nội dung chi tiết như sau:

- Hạn mức tín dụng: 8.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Tám tỷ đồng chẵn);
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- Lãi suất cho vay: Theo các giấy nhận nợ.

Ngân hàng B đã giải ngân cho Công ty T tổng số tiền là 8.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Tám tỷ đồng chẵn), cụ thể theo các giấy nhận nợ như sau:

1. Giấy nhận nợ số: 0051900042800 04 ngày 26/09/2019:
  - Số tiền giải ngân: 4.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn tỷ đồng chẵn);
  - Mục đích sử dụng: Bổ sung vốn kinh doanh;
  - Thời hạn vay: từ ngày 26/09/2019 đến ngày 26/03/2020;
  - Lãi suất cho vay: 10,4%/năm.
2. Giấy nhận nợ số: 0051900042800 005 ngày 27/09/2019:
  - Số tiền giải ngân: 2.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ đồng chẵn);
  - Mục đích sử dụng: Bổ sung vốn kinh doanh;
  - Thời hạn vay: từ ngày 27/09/2019 đến ngày 27/03/2020;
  - Lãi suất cho vay: 10,4%/năm.
3. Giấy nhận nợ số: 0051900042800 ngày 02/10/2019:
  - Số tiền giải ngân: 2.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ đồng chẵn);
  - Mục đích sử dụng: Bổ sung vốn kinh doanh;
  - Thời hạn vay: từ ngày 02/10/2019 đến 02/04/2020;
  - Lãi suất cho vay: 10,9%/năm.

Tài sản thế chấp là:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 86, tờ bản đồ số 147 tọa lạc tại địa chỉ Lô 4, khu B2-19, Khu đô thị Phước Lý, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 327272, sổ vào sổ cấp GCN CT 41033 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 05/12/2017 thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Trương Duy V và bà Lê Thị Hồng H.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 85, tờ bản đồ số 147 tọa lạc tại địa chỉ Lô 3, khu B2-19, Khu đô thị Phước Lý, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 327271, sổ vào sổ cấp GCN CT 41032 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 05/12/2017 thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Trương Duy V và bà Lê Thị Hồng H.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 84, tờ bản đồ số 147 tọa lạc tại địa chỉ Lô 2, khu B2-19, Khu đô thị Phước Lý, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 327270, sổ vào sổ cấp GCN CT 41031 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 05/12/2017 thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Trương Duy V và bà Lê Thị Hồng H.

Hợp đồng thế chấp trên được công chứng tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Hải Sâm, số công chứng 4875, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 26/03/2019 và đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại Quận Liên Chiểu, TP.Đà Nẵng ngày 26/03/2019.

Trong quá trình vay vốn Công ty T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo các nội dung cam kết thỏa thuận mà hai bên đã ký kết. Ngân hàng B đã nhiều lần làm việc, đôn đốc, yêu cầu Công ty T thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nhưng Công ty không thực hiện.

Tính đến ngày 5/7/2021, Công ty T còn nợ Ngân hàng B số tiền là: 9.983.587.301 đồng.

Trong đó:

- Gốc : 7.980.000.000 đồng;
- Lãi trong hạn : 348.571.488 đồng;
- Lãi quá hạn : 1.605.758.137 đồng;
- Lãi phạt chậm trả lãi trong hạn: 49.857.676 đồng.

Ngân hàng TMCP B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty T phải thanh toán ngay cho Ngân hàng B số tiền tính đến ngày 5/7/2021 là 9.983.587.301 đồng:

Trường hợp Công ty T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ toàn bộ dư nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP B được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại toàn bộ tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của người khác số: 0051900042700 ngày 26/03/2019.

\* Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, bà Lê Thị Hồng H, đại diện theo pháp luật của Công ty T trình bày:

Công ty T thống nhất với lời trình bày của đại diện Ngân hàng về nội dung hợp đồng tín dụng và tài sản thế chấp. Số tiền Công ty còn nợ Ngân hàng là 9.983.587.301 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 7.980.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 348.571.488 đồng; Lãi quá hạn : 1.605.758.137 đồng; Lãi phạt chậm trả lãi trong hạn: 49.857.676 đồng. Tài sản đảm bảo cho khoản vay trên là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 86, tờ bản đồ số 147 tọa lạc tại địa chỉ Lô 4, khu B2-19 Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 327272, số vào sổ cấp GCN CT 41033 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 05/12/2017; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 85, tờ bản đồ số 147 tọa lạc tại địa chỉ Lô 3, khu B2-19 Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 327271, số vào sổ cấp GCN CT 41032 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 05/12/2017 và Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 84, tờ bản đồ số 147 tọa lạc tại địa chỉ Lô 2, khu B2-19, Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 327270, số vào sổ cấp GCN CT 41031 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 05/12/2017 ở Khu đô thị Phước Lý, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Trương Duy V và bà Lê Thị Hồng H. Do việc kinh doanh gặp nhiều khó khăn nên Công ty T đã vi phạm thời hạn trả nợ với Ngân hàng. Nay Ngân hàng khởi kiện, Công ty T đồng ý trả các khoản nợ nhưng mong Ngân hàng gia hạn một thời gian để Công ty sắp xếp thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm: Việc Tòa án nhân dân quận Thanh Khê thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền; việc tuân theo pháp luật tố tụng đã xác định Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng trong quá trình tham gia giải quyết vụ án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc Công ty T phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng B tính đến ngày 05/7/2021 số tiền gốc là: 7.980.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 348.571.488 đồng; Lãi quá hạn: 1.605.758.137 đồng; Lãi phạt chậm lãi trong hạn: 49.857.676 đồng và phải chịu toàn bộ số tiền lãi, phạt pháp sinh kể từ ngày 06/7/2021 theo mức lãi suất được quy định trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thi hành án xong và xử lý tài sản thế chấp theo quy định.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**\*Về thủ tục tố tụng:**

[1] Đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng theo khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trương Duy V và Công ty TNHH dệt may S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

**\*Về nội dung:**

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Việc ký kết hợp đồng tín dụng hạn mức số: 0051900042800 ngày 26/03/2019 giữa Ngân hàng B và Công ty T là sự thỏa thuận hoàn toàn tự nguyện.

Hợp đồng tín dụng ký kết nêu trên có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật nên khi Công ty T vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng khởi kiện là có căn cứ, cần buộc Công ty T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bên vay đối với số tiền 9.983.587.301 đồng, trong đó nợ gốc là: 7.980.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 348.571.488 đồng; Lãi quá hạn: 1.605.758.137 đồng; Lãi phạt chậm lãi trong hạn: 49.857.676 đồng (tiền lãi tính đến ngày 5/7/2021) còn nợ như trên cho Ngân hàng B theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự 2015.

[2] Công ty T phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh kể từ ngày 06/7/2021 đối với khoản tiền nợ gốc theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng hạn mức số: 0051900042800 ngày 26/03/2019; Giấy nhận nợ số: 0051900042800 04 ngày 26/09/2019; Giấy nhận nợ số: 0051900042800 005 ngày 27/09/2019 và Giấy nhận nợ số: 0051900042800 ngày 02/10/2019 cho đến khi thanh toán xong.

[3] Xét tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản nợ vay:

Tài sản đảm bảo cho khoản vay trên là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 86, tờ bản đồ số 147 tọa lạc tại địa chỉ Lô 4, khu B2-19, Khu đô thị Phước Lý, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 327272, sổ vào sổ cấp GCN CT 41033 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 05/12/2017; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 85, tờ bản đồ số 147 tọa lạc tại địa chỉ Lô 3, khu B2-19, Khu đô thị Phước Lý, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 327271, sổ vào sổ cấp GCN CT 41032 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 05/12/2017; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại

thửa đất số 84, tờ bản đồ số 147 tọa lạc tại địa chỉ Lô 2, khu B2-19, Khu đô thị Phước Lý, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 327270, số vào sổ cấp GCN CT 41031 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 05/12/2017 thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Trương Duy V và bà Lê Thị Hồng H.

Xét thấy tại thời điểm ký kết hợp đồng thế chấp tài sản, các bên hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung thỏa thuận phù hợp với đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật; Hợp đồng thế chấp đã được chứng thực của cơ quan công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật về đăng ký giao dịch bảo đảm. Vì vậy, hợp đồng thế chấp tài sản là hợp pháp và có hiệu lực thực hiện nên tài sản thế chấp được xử lý theo Điều 299 của Bộ luật dân sự năm 2015 khi Công ty T không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ.

[4] Trường hợp Công ty T thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng B phải làm các thủ tục xóa thế chấp và trả lại giấy tờ chứng nhận quyền sở hữu tài sản trên theo quy định tại Điều 322 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn - Công ty T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

**Hoàn trả cho** Ngân hàng B số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 30, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 351, 401, 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ Điều 90, 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

### **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" của Ngân hàng TMCP B và Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp T

1. Buộc Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP B số tiền là 9.983.587.301 đồng, trong đó nợ gốc là: 7.980.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 348.571.488 đồng; Lãi quá hạn: 1.605.758.137 đồng; Lãi phạt chậm lãi trong hạn: 49.857.676 đồng (tiền lãi tính đến ngày 5/7/2021) ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp T phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh kể từ ngày 06 tháng 7 năm 2021 đối với khoản tiền nợ gốc theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng hạn mức số: 0051900042800 ngày 26/03/2019; Giấy nhận nợ số: 0051900042800 04 ngày 26/09/2019; Giấy nhận nợ số: 0051900042800 005 ngày 27/09/2019 và Giấy nhận nợ số: 0051900042800 ngày 02/10/2019 cho đến khi thanh toán xong.

2. Trường hợp Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp T không thanh toán nợ, tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 86, tờ bản đồ số 147 tọa lạc tại địa chỉ Lô 4, khu B2-19, Khu đô thị Phước Lý, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 327272, sổ vào sổ cấp GCN CT 41033 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 05/12/2017; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 85, tờ bản đồ số 147 tọa lạc tại địa chỉ Lô 3, khu B2-19, Khu đô thị Phước Lý, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 327271, sổ vào sổ cấp GCN CT 41032 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 05/12/2017; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 84, tờ bản đồ số 147 tọa lạc tại địa chỉ Lô 2, khu B2-19, Khu đô thị Phước Lý, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 327270, sổ vào sổ cấp GCN CT 41031 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 05/12/2017 thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Trương Duy V và bà Lê Thị Hồng H được xử lý theo Điều 399 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp T thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng TMCP B phải làm các thủ tục xóa thế chấp và trả lại giấy tờ chứng nhận quyền sở hữu tài sản trên cho ông Trương Duy V và bà Lê Thị Hồng H.

3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 117.983.587 đồng Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp T phải chịu.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền tạm ứng án phí là 58.656.000đ (*Năm mươi tám triệu, sáu trăm sáu mươi lăm ngàn đồng*) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng theo biên lai thu số 9036 ngày 03 tháng 3 năm 2021.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng

cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS Q. Thanh Khê;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Hậu**